



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
CÔNG NGHỆ MIỀN ĐÔNG  
Số: 16/TB-TCKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 7 tháng 5 năm 2024

## THÔNG BÁO

### Mức thu học phí, phí và lệ phí năm học 2024 – 2025 đối với sinh viên hệ đại học chính quy khóa 22

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-ĐHCNMĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 về việc mức thu học phí, phí và lệ phí năm học 2024 – 2025.

Phòng Tài chính Kế toán Trường Đại học Công nghệ Miền Đông thông báo về mức thu học phí, phí và lệ phí năm học 2024 – 2025 đối với sinh viên hệ đại học chính quy như sau:

#### I. Mức học phí:

STT	Ngành/lớp	Học phí (đồng/tín chỉ)
1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng - 22LG1101	910.000
2	Kế toán - 22KT1101	930.000
3	Quản trị kinh doanh - 22QT1101	930.000
4	Đông phương học - 22DP1101	990.000
5	Luật kinh tế - 22LK1101	1.000.000
6	Ngôn ngữ Anh - 22AV1101	1.000.000
7	Bác sĩ thú y - 22TY1101	1.000.000
8	Dược học - 22DH1101	1.100.000
9	Công nghệ kỹ thuật ô tô - 22OT1101	1.100.000
10	Công nghệ thông tin - 22IT1101	1.160.000

#### II. Mức học phí học lại, học cải thiện, học bổ sung:

STT	Ngành	Học phí (đồng/tín chỉ)
1	Học phần chung (lý luận chính trị)	900.000

STT	Ngành	Học phí (đồng/tín chỉ)	
		Học phần đại cương	Học phần cơ sở ngành, chuyên ngành
2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	925.000	975.000
3	Kế toán	925.000	975.000
4	Quản trị kinh doanh	925.000	975.000
5	Đông phương học	950.000	1.000.000
6	Luật kinh tế	950.000	1.000.000
7	Ngôn ngữ Anh	950.000	1.000.000
8	Bác sĩ thú y	1.050.000	1.100.000
9	Dược học	1.050.000	1.100.000
10	Công nghệ kỹ thuật ô tô	1.050.000	1.100.000
11	Công nghệ thông tin	1.110.000	1.160.000

**III. Mức học phí môn học Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất và các môn chuẩn đầu ra năm học 2024 – 2025**

STT	Chương trình/học phần	Đơn vị tính	Học phí
1	Tiếng Anh chuẩn đầu ra dành cho Sinh viên trước khóa 2021 (đã bao gồm giáo trình)	Đồng/học phần	4.500.000
2	Tiếng Anh tăng cường dành cho Sinh viên từ khóa 2021 trở đi (đã bao gồm giáo trình)	Đồng/tín chỉ	550.000
3	Giáo dục quốc phòng (đã bao gồm phí cấp chứng chỉ)	Đồng/tín chỉ	350.000
4	Giáo dục thể chất	Đồng/tín chỉ	550.000
5	Kỹ năng mềm	Đồng/tín chỉ	550.000
6	Tin học chuẩn đầu ra, chương trình chuẩn đầu ra kiến thức – kỹ năng tin học (đã bao gồm giáo trình)	Đồng/tín chỉ	550.000

**IV. Mức phí, lệ phí năm học 2024 – 2025**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
1.	Lệ phí dự thi tuyển sinh, xét tuyển	Đồng/hồ sơ	-
2.	Lệ phí phúc khảo tuyển sinh	Đồng/môn	100.000
3.	Lệ phí thi Tiếng Anh chuẩn đầu ra	Đồng/lần	500.000
4.	Lệ phí thi tin học chuẩn đầu ra	Đồng/lần	500.000
5.	Lệ phí nhập học	Đồng/lần	500.000
6.	Lệ phí khám sức khỏe khi nhập học	Đồng/lần	Đang cập nhật
7.	Lệ phí cấp thẻ sinh viên (cấp mới, cấp lại)	Đồng/thẻ	50.000
8.	Lệ phí phúc khảo điểm thi cuối kỳ	Đồng/học phần	100.000
9.	Lệ phí xét chuyển điểm	Đồng/học phần	100.000
10.	Đồng phục áo blouse	Đồng/cái	180.000
11.	Phí cấp giấy xác nhận sinh viên	Đồng/bản	-
12.	Lệ phí hồ sơ chuyển lớp học, chuyển ngành học, chuyển khoá học, chuyển hệ đào tạo	Đồng/lần	500.000
13.	Đồng phục ngành công nghệ kỹ thuật ô tô	Đồng/cái	340.000
14.	Đồng phục áo thun	Đồng/cái	170.000
15.	Đồng phục thể dục	Đồng/cái	170.000
16.	Ba lô	Đồng/cái	200.000
17.	Lệ phí báo cáo lại khóa luận/đề án tốt nghiệp	Đồng/lần	5.000.000
18.	Lệ phí cấp bảng điểm chính (bảng điểm toàn khóa học - lần 2)	Đồng/bản	50.000
19.	Lệ phí cấp bảng điểm trong quá trình học	Đồng/bản	10.000
20.	Lệ phí cấp giấy xác nhận hoàn thành khóa học	Đồng/bản	50.000
21.	Lệ phí xét tốt nghiệp	Đồng/người	500.000
22.	Lệ phí làm bằng tốt nghiệp đại học (gồm bìa, phôi và phụ lục)	Đồng/lần	800.000
23.	Phí cấp bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học (lần 2)	Đồng/bộ	100.000
24.	Phí thuê Lễ phục tốt nghiệp (phí cọc)	Đồng/bộ	500.000

25.	Phí nội trú ký túc xá sinh viên (tháng)	Đồng/người/ tháng	600.000 – 750.000
26.	Phí nội trú ký túc xá sinh viên (bao gồm: thứ 7 và chủ nhật)	Đồng/người/đêm	150.000
27.	Phí sử dụng điện KTX (nội trú tháng)	Đồng/kwh	2.500

#### V. Các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đóng học phí nguyên năm, nhiều năm

1. Sinh viên đại học chính quy của tất cả các niên khóa khi đóng học phí một lần và đúng hạn cho nguyên năm, nhiều năm thì được giảm học phí như sau:

- a) Học phí nguyên năm: giảm 7% trên học phí 1 năm.
- b) Học phí 2 năm: giảm 12% trên học phí 2 năm.
- c) Học phí 3 năm: giảm 15% trên học phí 3 năm.
- d) Học phí toàn khóa học hoặc 4 năm (đối với Ngành Dược học, Ngành Bác sĩ thú y): giảm 20% trên học phí toàn khóa học hoặc 4 năm.
- e) Học phí toàn khóa học (trên 4 năm) đối với Ngành Dược học, Ngành Bác sĩ thú y: giảm 25% học phí toàn khóa học (trên 4 năm).

2. Sinh viên được hỗ trợ phí dịch vụ thẻ trên số tiền thanh toán của ít nhất 01 năm học trở lên cho ngân hàng khi tham gia các chương trình lãi suất 0% của ngân hàng là đối tác của Trường.

3. Không áp dụng đồng thời các chính sách về miễn giảm, ưu đãi học phí. Ngoại trừ trường hợp anh, chị, em thì được hưởng chính sách anh, chị, em và chương trình ưu đãi học phí cao nhất.

#### Ghi chú:

1. Bảo hiểm y tế thu hộ theo quy định.
2. Sinh viên sẽ đóng thế chân 500.000 đồng/bộ và được hoàn lại số tiền này khi trả lại lễ phục theo thông báo của Trường.
3. Trường hợp tiếp nhận sinh viên chuyên trường, sẽ thu phí đầu vào như sau: phí xét kiểm tra đạt điều kiện trúng tuyển của ngành đào tạo trong cùng khóa tuyển sinh tương đương lệ phí xét tuyển và các lệ phí nhập học của hệ đào tạo trúng tuyển theo quy định hiện hành của Trường.

Năm học 2024 - 2025 tính từ ngày 01/7/2024 - 30/6/2025.

Mọi thắc mắc vui lòng liên hệ với Phòng Tài chính Kế toán trong giờ hành chính qua số hotline - zalo: 0981.292.960 hoặc qua số điện thoại: 02516.595.999.

Trân trọng./.

***Nơi nhận:***

- Sinh viên;
- Các Khoa, Viện, Trung tâm trực thuộc;
- Lưu: KT.

**PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN  
TRƯỞNG PHÒNG**



**ThS. Trần Thị Thảo**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
CÔNG NGHIỆP  
HÀ NỘI